

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đào cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán

(trong đó, số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2010 bao gồm số liệu của Công ty Cầu 1 Thăng Long đến ngày 04 tháng 7 năm 2010 đã được kiểm toán)

LƯU KTH

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7 - 29
Bảng cân đối kế toán	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 29

CHẤU
KẾ TOÁN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long là Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên, trước đây là Tổng Công ty Xây dựng Cầu Thăng Long, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 4978/QĐ-TCCB-TĐ ngày 02/12/1995, Quyết định số 934/1998/QĐ-TCCB ngày 22/4/1998 và Quyết định chuyển đổi mô hình hoạt động số 1762/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 110743 ngày 26/6/1996 do Ủy ban Kế hoạch cấp, các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 số 0106000765 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 10 tháng 11 năm 2010 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 158.706.621.309 đồng.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm 2011 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Thi công xây dựng các phần nền móng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Gia công cấu kiện thép phục vụ trực tiếp cho sản xuất, thi công; Vận chuyển vật tư thiết bị, cấu kiện phục vụ thi công;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, bến cảng), công trình dân dụng, công nghiệp và thủy lợi; Sản xuất cấu kết thép, cấu kiện bê tông;
- Sản xuất, kinh doanh bê tông trộn sẵn;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa các loại thiết bị thi công công trình;
- Khảo sát thiết kế và thiết kế các công trình giao thông đường bộ, công trình xây dựng cầu;
- Thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công và thẩm định tổng dự toán công trình xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình giao thông; thẩm định dự án đầu tư các công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng; kiểm định chất lượng công trình;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông.

Ngoài ra, Tổng Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 29).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên của Hội đồng thành viên trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Công Tài	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Tuýnh	Ủy viên
Ông Phan Quốc Hiếu	Ủy viên
Ông Lê Ngọc Ban	Ủy viên
Bà Trương Thị Minh Lan	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phan Quốc Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Tuýnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Ban	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Rạng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn An	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2012

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc *Van*



Phan Quốc Hiếu
Phan Quốc Hiếu

Số: 173/2012/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long được lập ngày 27 tháng 3 năm 2012 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

- Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến công tác kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định của Tổng Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, tính đầy đủ cũng như tình trạng của tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm nêu trên.
- Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, một số khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng nợ.
- Việc phát hành hóa đơn tài chính và kê khai thuế giá trị gia tăng của Văn phòng Tổng Công ty không diễn ra đồng thời với thời điểm ghi nhận doanh thu và thuế giá trị gia tăng trên sổ kế toán.
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty Xây dựng và Phát triển Công nghệ Thăng Long, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long được tính bằng với giá trị của sản lượng dở dang do Công ty tự xác định, trong đó, giá trị của sản lượng dở dang được tính căn cứ trên khối lượng thực hiện và đơn giá theo hợp đồng với chủ đầu tư.

Headquarters

29 Hoàng Sa Str., Dist. 1, Ho Chi Minh City
Tel: (84-08) 3910 4881 * Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohem@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

706 A5 Building, Thanglong Int. Village, Cau Gray Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 * Fax: (84-04) 3793 1429
Email: infohn@aascn.com.vn

Báo cáo kiểm toán (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2012

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Bùi Thị Ngọc Lân

Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Khánh Hoa

Chứng chỉ KTV số: 1956/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.079.514.585.012	1.022.846.565.643
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		86.088.341.377	28.607.301.828
1.	Tiền	111	V.01	86.088.341.377	27.307.301.828
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	1.300.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		773.873.978.705	799.917.297.897
1.	Phải thu khách hàng	131		228.159.214.174	155.393.269.360
2.	Trả trước cho người bán	132		30.986.464.457	70.632.732.765
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		461.456.903.809	536.662.640.769
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	56.524.600.299	37.289.356.105
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(3.253.204.034)	(60.701.102)
IV.	Hàng tồn kho	140		171.032.576.189	153.398.946.509
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	171.032.576.189	153.398.946.509
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		48.519.688.741	40.923.019.409
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		663.003.755	2.310.654.828
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26.515.835.319	21.245.076.268
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	2.455.321.300	1.964.724.227
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	18.885.528.367	15.402.564.086



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		183.317.108.627	191.512.958.950
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		26.506.485.406	25.639.128.763
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	26.506.485.406	25.639.128.763
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		21.757.887.047	33.442.338.252
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	18.017.804.619	15.266.174.267
	- Nguyên giá	222		130.553.004.745	125.587.495.966
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(112.535.200.126)	(110.321.321.699)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	-	-
	- Nguyên giá	228		807.457.685	807.457.685
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(807.457.685)	(807.457.685)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	3.740.082.428	18.176.163.985
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	125.626.764.738	126.288.834.575
1.	Đầu tư vào công ty con	251		30.713.061.726	30.518.459.836
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		111.101.703.012	65.332.374.739
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		7.125.000.000	30.438.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(23.313.000.000)	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		9.425.971.436	6.142.657.360
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	9.164.951.061	6.142.657.360
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		261.020.375	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.262.831.693.639	1.214.359.524.593

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.104.234.429.974	1.062.368.915.709
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.059.236.358.874	1.008.063.066.691
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	80.349.611.214	67.146.442.725
2.	Phải trả người bán	312		42.096.097.600	29.521.391.038
3.	Người mua trả tiền trước	313		526.422.117.610	626.251.842.644
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	11.190.519.472	6.549.259.661
5.	Phải trả người lao động	315		12.510.475.643	11.308.893.558
6.	Chi phí phải trả	316	V.14	9.306.897.769	8.284.273.269
7.	Phải trả nội bộ	317		283.024.955.313	197.913.314.921
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	88.298.604.629	57.097.570.298
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.037.079.624	3.990.078.577
II.	Nợ dài hạn	330		44.998.071.100	54.305.849.018
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.16	44.285.711.121	53.814.944.126
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		712.359.979	490.904.892
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		158.597.263.665	151.990.608.884
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	158.597.263.665	151.990.608.884
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		153.824.030.898	148.813.519.634
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	1.113.693.504
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		1.724.456.406	373.616.191
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.253.740.361	218.328.129
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.795.036.000	1.471.451.426
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.262.831.693.639	1.214.359.524.593

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
	<i>USD</i>		372,49	6.663,89
	<i>JPY</i>		64.127.750,10	38.807.589,10
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hoàn

Lê Văn An

Phan Quốc Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.005.232.740.103	789.828.732.418
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	1.017.886.166
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	1.005.232.740.103	788.810.846.252
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	988.455.385.720	758.171.843.781
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.777.354.383	30.639.002.471
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	70.673.195.895	35.193.033.576
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	39.794.686.362	9.282.201.675
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		16.189.312.865	9.167.134.560
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		39.845.416.725	51.888.456.794
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.810.447.191	4.661.377.578
11.	Thu nhập khác	31		13.212.302.252	6.713.576.584
12.	Chi phí khác	32		10.668.627.119	1.222.785.993
13.	Lợi nhuận khác	40		2.543.675.133	5.490.790.591
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.354.122.324	10.152.168.169
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	-	246.711.713
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		10.354.122.324	9.905.456.456

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Hoàn

Lê Văn An

Phan Quốc Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		659.913.381.647	845.397.210.494
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(580.568.808.907)	(837.930.425.341)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(35.543.714.988)	(42.069.756.298)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(18.960.375.222)	(16.119.068.771)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(496.547.073)	(1.259.280.900)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		30.747.828.531	47.275.251.986
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17.606.813.890)	(22.661.251.635)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		37.484.950.098	(27.367.320.465)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(6.597.375.803)	(9.611.329.350)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		10.472.443.444	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(6.800.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	6.989.346.789
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.808.240.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	763.900.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.602.583.590	8.357.031.635
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.477.651.231	(3.109.290.926)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU		Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	227.851.827.078	126.755.619.084
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(218.975.517.125)	(117.175.042.716)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	8.876.309.953	9.580.576.368
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	54.838.911.282	(20.896.035.023)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	28.607.301.828	47.877.717.507
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.642.128.267	1.625.619.344
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	86.088.341.377	28.607.301.828

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Hoàn

Lê Văn An

Phan Quốc Hiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty TNHH một thành viên.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty năm 2011 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Thi công xây dựng các phần nền móng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Gia công cấu kiện thép phục vụ trực tiếp cho sản xuất, thi công; Vận chuyển vật tư thiết bị, cấu kiện phục vụ thi công;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, bến cảng), công trình dân dụng, công nghiệp và thủy lợi; Sản xuất cấu kết thép, cấu kiện bê tông;
- Sản xuất, kinh doanh bê tông trộn sẵn;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa các loại thiết bị thi công công trình;
- Khảo sát thiết kế và thiết kế các công trình giao thông đường bộ, công trình xây dựng cầu;
- Thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công và thẩm định tổng dự toán công trình xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình giao thông; thẩm định dự án đầu tư các công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng; kiểm định chất lượng công trình;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
- TSCĐ hữu hình khác	5 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 - 08 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Tổng Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Tổng Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Tổng Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng;
- Vật tư luân chuyển;
- Trả trước tiền thuê tài sản;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán;

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động, chưa hoàn thành đầu tư).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
01. Tiền		
- Tiền mặt	1.945.216.296	345.707.329
- Tiền gửi ngân hàng	84.143.125.081	26.961.594.499
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>86.088.341.377</u>	<u>27.307.301.828</u>
02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cổ phần hóa	98.000.000	98.000.000
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác	56.426.600.299	37.191.356.105
+ Ban điều hành đường dẫn Vĩnh Long	9.048.127.461	8.762.567.461
+ Ban điều hành Dự án Gói 6 - Cầu Phù Đổng	16.493.889.421	12.278.469.005
+ Ban điều hành Bông Sơn - Bàn Thạch	2.571.237.711	2.571.237.711
+ Ban điều hành Bắc Ninh - Nội Bài	3.003.360.818	3.003.360.818
+ Công ty TNHH Bê Tông Mê Kông Thăng Long	-	4.429.999.810
+ Các đối tượng khác	25.309.984.888	6.145.721.300
Cộng	<u>56.524.600.299</u>	<u>37.289.356.105</u>
03. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	6.004.577.872	3.123.341.557
- Công cụ, dụng cụ	225.062.591	141.627.688
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	164.802.935.726	150.133.977.264
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>171.032.576.189</u>	<u>153.398.946.509</u>
04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	2.455.321.300	1.958.774.227
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	5.950.000
Cộng	<u>2.455.321.300</u>	<u>1.964.724.227</u>
05. Tài sản ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm ứng	7.293.240.586	5.100.340.685
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.592.287.781	10.302.223.401
Cộng	<u>18.885.528.367</u>	<u>15.402.564.086</u>
06. Phải thu dài hạn nội bộ		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu dài hạn nội bộ khác	26.506.485.406	25.639.128.763
Cộng	<u>26.506.485.406</u>	<u>25.639.128.763</u>

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	23.942.929.276	76.477.777.791	18.135.087.593	7.009.796.544	21.904.762	125.587.495.966
- Mua trong năm	-	6.495.293.985	-	102.081.818	-	6.597.375.803
- Phân loại lại	106.684.001	(106.684.001)	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(246.727.185)	-	-	-	(246.727.185)
- Giảm khác	-	(1.385.139.839)	-	-	-	(1.385.139.839)
<i>Số dư cuối năm</i>	24.049.613.277	81.234.520.751	18.135.087.593	7.111.878.362	21.904.762	130.553.004.745
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	18.330.424.164	70.009.911.531	16.745.190.980	5.224.404.553	11.390.471	110.321.321.699
- Khấu hao trong năm	478.239.391	1.471.648.895	309.051.123	577.549.888	2.190.476	2.838.679.773
- Phân loại lại	87.682.072	(87.682.072)	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(10.280.299)	-	-	-	(10.280.299)
- Giảm khác	-	(614.521.047)	-	-	-	(614.521.047)
<i>Số dư cuối năm</i>	18.896.345.627	70.769.077.008	17.054.242.103	5.801.954.441	13.580.947	112.535.200.126
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	5.612.505.112	6.467.866.260	1.389.896.613	1.785.391.991	10.514.291	15.266.174.267
2. Tại ngày cuối năm	5.153.267.650	10.465.443.743	1.080.845.490	1.309.923.921	8.323.815	18.017.804.619

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONGSố 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	807.457.685	807.457.685
- Mua trong năm	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	807.457.685	807.457.685
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	807.457.685	807.457.685
- Khấu hao trong năm	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	807.457.685	807.457.685
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tòa tháp Thăng Long Phạm Văn Đồng	1.850.707.012	1.550.707.012
- Khu Công nghiệp Đông Anh	31.874.512	31.874.512
- Chi phí sửa chữa, đầu tư vật tư luân chuyển	-	9.694.000.000
- Đầu khoan RT3- ST & cần khoan Kelly	-	5.047.531.358
- Chế tạo bể VS	-	204.092.039
- Ván khuôn cốp hộp, đốt cần, VK	99.105.251	42.069.979
- Chế tạo gầu khoan	-	60.914.700
- Chế tạo cầu trục 3 tấn	-	67.857.176
- Ván khuôn MSS	1.122.668.453	1.122.668.453
- Ván khuôn 3A Thanh Trì	144.546.751	144.546.751
- Khung chống, ván khuôn cầu hẫng gói 3A-Thanh Trì	-	151.360.036
- Chế tạo cầu 80T	491.180.449	-
- Chế tạo ván khuôn rỗng công trình Dakmin	-	58.541.969
Cộng	3.740.082.428	18.176.163.985

Đơn vị tính: VND

10. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty con				
- Công ty TNHH một thành viên Cầu 1 Thăng Long (*)		17.973.096.826		17.778.494.936
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	435.600	4.356.000.000	435.600	4.356.000.000
- Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	555.624	5.556.240.000	555.624	5.556.240.000
- Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long	282.772	2.827.724.900	282.772	2.827.724.900
Cộng		30.713.061.726		30.518.459.836
Đầu tư vào công ty liên kết				
		80.660.448.061		34.891.119.788
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	197.600	1.976.000.000	197.600	1.976.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	735.980	7.359.800.000	735.980	7.359.800.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	262.950	2.629.500.000	262.950	2.629.500.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	160.000	1.600.000.000	160.000	1.600.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	182.176	1.821.758.273	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	154.557	1.545.570.000	107.100	1.071.000.000
- Công ty CP Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	429.841	4.298.409.788	428.682	4.298.409.788
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	360.000	3.600.000.000	360.000	3.600.000.000
- Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	303.800	3.038.000.000	303.800	3.038.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 6 Thăng Long	367.200	3.672.000.000	367.200	3.672.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 Thăng Long	2.016.000	20.160.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	403.641	4.036.410.000	403.641	4.036.410.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tải Thăng Long	131.000	1.310.000.000	131.000	1.310.000.000
- Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh (**)	2.331.300	23.313.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh		30.441.254.951		30.441.254.951
- Công ty Liên doanh Mít sui Thăng Long		22.911.354.844		22.911.354.844
- Công ty Thi công nền móng Việt Pháp		168.249.600		168.249.600
- Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long		7.361.650.507		7.361.650.507
Cộng		111.101.703.012		65.332.374.739

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác				
- Công ty TNHH BOT Yên Lệnh		-		23.313.000.000
- Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	681.500	6.815.000.000	681.500	6.815.000.000
- Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn		50.000.000		50.000.000
- Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6		260.000.000		260.000.000
Cộng		7.125.000.000		30.438.000.000.00
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				
- Công ty TNHH BOT Yên Lệnh		(23.313.000.000)		-
Cộng		(23.313.000.000)		-
Tổng Cộng		125.626.764.738		126.288.834.575

(*) Tăng vốn góp theo quyết định phân phối lợi nhuận lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty TNHH một thành viên Cầu 1 Thăng Long.

(**) Chuyển từ Đầu tư dài hạn khác sang Đầu tư vào Công ty liên kết do quyền kiểm soát là 49,41%

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí vật tư luân chuyển	5.570.446.121	5.655.215.145
- Chi phí sửa chữa lớn	-	475.244.422
- Giá trị còn lại của CCDC chờ phân bổ	3.198.504.940	12.197.793
- Trả trước tiền thuê tài sản	396.000.000	-
Cộng	<u>9.164.951.061</u>	<u>6.142.657.360</u>

12. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- <i>Vay ngắn hạn</i>	<i>80.349.611.214</i>	<i>67.146.442.725</i>
+ Vay ngắn hạn ngân hàng	80.150.842.114	67.106.173.625
+ Vay ngắn hạn đối tượng khác	198.769.100	40.269.100
- <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	<u>80.349.611.214</u>	<u>67.146.442.725</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng	10.974.843.762	6.486.763.847
- Thuế thu nhập cá nhân	186.294.889	33.114.993
- Các loại thuế khác	29.380.821	29.380.821
Cộng	<u>11.190.519.472</u>	<u>6.549.259.661</u>

14. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả	7.334.218.147	6.271.266.231
- Trích trước chi phí các ban điều hành	1.972.679.622	1.972.679.622
- Trích trước chi phí khác	-	40.327.416
Cộng	<u>9.306.897.769</u>	<u>8.284.273.269</u>

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	198.285.913	273.414.326
- Bảo hiểm xã hội	848.884.130	523.005.989
- Bảo hiểm y tế	5.540.126	132.929.659
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.334.371	39.980.334
- Phải trả về cổ phần hóa	-	60.408.084
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	94.762.619	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	87.149.797.470	56.067.831.906
+ Phải trả liên danh Tổng 6+8+TLC	7.545.027.750	7.545.027.750
+ Công ty Xây dựng số 8 Thăng Long	1.004.315.000	1.004.315.000
+ Chủ ĐT tạm thanh toán 5% TK Vĩnh Tuy	121.629.035	6.641.000.000
+ Công ty Cổ phần XD số 12 Thăng Long	2.526.034.285	2.526.034.285
+ Công ty CP Cơ giới và XD Thăng Long	1.290.000.000	1.290.000.000
+ Bà Lê Huyền Phương	1.130.000.000	-
+ Bà Phan Thị Kim Thịnh	5.800.000.000	-
+ Bà Đào Mai Huệ	3.270.000.000	-
+ Các đối tượng khác	64.462.791.400	37.061.454.871
Cộng	88.298.604.629	57.097.570.298

16. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay dài hạn	40.996.252.254	50.525.485.259
+ Vay ngân hàng	40.996.252.254	50.525.485.259
+ Vay đối tượng khác	-	-
- Nợ dài hạn	3.289.458.867	3.289.458.867
+ Thuê tài chính	-	-
+ Nợ dài hạn khác	3.289.458.867	3.289.458.867
Cộng	44.285.711.121	53.814.944.126

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	134.198.507.728	4.335.141.856	736.958.109	4.694.962.250	2.493.599.203	1.471.451.426	(44.017.955)	147.886.602.617
- Tăng lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc theo Biên bản kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	-	-	(325.364.560)	(325.364.560)
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	9.905.456.456	9.905.456.456
- Điều chỉnh vốn góp công ty liên kết	471.040.507	-	-	-	-	-	-	471.040.507
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	3.142.726.769	-	-	1.585.729.077	929.638.229	-	(9.536.073.941)	(3.877.979.866)
- Lỗ trong năm trước	11.001.244.630	-	1.113.693.504	-	-	-	-	12.114.938.134
- Giảm khác	-	(4.335.141.856)	(736.958.109)	(5.907.075.136)	(3.204.909.303)	-	-	(14.184.084.404)
Số dư cuối năm trước	148.813.519.634	-	1.113.693.504	373.616.191	218.328.129	1.471.451.426	-	151.990.608.884
Số dư đầu năm nay								
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	10.354.122.324	10.354.122.324
- Cầu 1 phân phối LN 6 tháng đầu năm 2011	194.601.890	-	-	-	-	-	-	194.601.890
- Thu quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Công ty CP Cầu 11	-	-	-	-	-	323.584.574	-	323.584.574
- Phân phối lợi nhuận trong năm	4.815.909.374	-	-	1.350.840.215	1.035.412.232	-	(10.354.122.324)	(3.151.960.503)
- Giảm khác	-	-	(1.113.693.504)	-	-	-	-	(1.113.693.504)
Số dư cuối năm nay	153.824.030.898	-	-	1.724.456.406	1.253.740.361	1.795.036.000	-	158.597.263.665

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONGSố 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	153.824.030.898	148.813.519.634
- Vốn góp của các đối tượng khác	-	-
Cộng	153.824.030.898	148.813.519.634

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	148.813.519.634	134.198.507.728
+ Vốn góp tăng trong năm	5.010.511.264	14.615.011.906
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	153.824.030.898	148.813.519.634
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.724.456.406	373.616.191
- Quỹ dự phòng tài chính	1.253.740.361	218.328.129
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.795.036.000	1.471.451.426
Cộng	4.773.232.767	2.063.395.746

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	2.489.968.601	1.367.061.078
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.946.587.036	2.853.365.686
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	990.796.184.466	785.608.305.654
Cộng	1.005.232.740.103	789.828.732.418

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	-	1.017.886.166
Cộng	-	1.017.886.166

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	2.489.968.601	1.367.061.078
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	11.946.587.036	2.853.365.686
- Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	990.796.184.466	784.590.419.488
Cộng	1.005.232.740.103	788.810.846.252

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	317.048.366	997.753.584
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.217.612.239	1.539.735.916
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	980.920.725.115	755.634.354.281
Cộng	988.455.385.720	758.171.843.781

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.523.957.232	13.542.213.908
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.864.434.832	9.587.619.577
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.177.656.918	11.802.227.063
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.072.739.871	260.973.028
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	35.034.407.042	-
Cộng	70.673.195.895	35.193.033.576

06. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	16.189.312.865	9.167.134.560
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	289.595.071	115.067.115
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	23.313.000.000	-
- Chi phí tài chính khác	2.778.426	-
Cộng	39.794.686.362	9.282.201.675

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	246.711.713
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	246.711.713

08. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	147.839.196.958	112.642.485.289
- Chi phí nhân công	44.163.237.076	54.224.545.843
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.838.679.773	7.583.006.131
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.058.120.033	53.191.257.309
- Chi phí khác bằng tiền	40.437.515.007	53.133.762.456
- Chi phí thuê phụ	745.675.034.651	603.105.586.922
Cộng	1.024.011.783.498	883.880.643.950

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm số liệu của Công ty Cầu 1 Thăng Long đến ngày 04 tháng 7 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

02. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

03. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cuối năm	Đầu năm
1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1. Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	85,48	84,23
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	14,52	15,77
1.2. Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	87,44	87,48
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	12,56	12,52
2. Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,14	1,14
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,02	1,01
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,08	0,03
3. Tỷ suất sinh lời		Năm nay	Năm trước
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	1,03	1,29
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1,03	1,25
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,82	0,84
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,82	0,82

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoàn

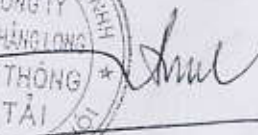
Kế toán trưởng



Lê Văn An

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2012

Tổng Giám đốc

Phan Quốc Hiếu